

Bản án số: 445/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17-6-2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lại Thị Đắc.

2. Bà Lý Ngọc Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 990/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 164 Đường số 8 (tên mới đường Bùi Điền), Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Lại Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 164 Đường số 8 (tên mới đường Bùi Điền), Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Thành N trình bày: Ông N và bà H sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 261, Quyền số: 02/2001 ngày 07/12/2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, hôn nhân không đạt được hạnh phúc rạn nứt dần. Ngày 31/5/2010 Ông N đã dọn ra ngoài sinh sống và không sống chung với bà H cho đến nay. Trước đây vào tháng 10 năm 2010 Ông N có nộp đơn ly hôn với bà H

và được giải quyết bằng bản án số 60/2010/HNGĐ-ST ngày 14/9/2010 của Tòa án nhân dân Quận 8 và bản án phúc thẩm số 1358/2010/HNPT ngày 30/11/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai bản án đều không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông N. Tuy nhiên, từ đó đến nay mâu thuẫn giữa Ông N và bà H ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mỗi người là một cá thể khác nhau không còn là một gia đình hơn 10 năm nay, chỉ còn trên danh nghĩa về mặt pháp lý. Nay Ông N yêu cầu ly hôn với bà H để sớm ổn định cuộc sống lo cho con đang học đại học.

Về con chung: Ông N và bà H có một con chung tên Nguyễn Thúc Đ, sinh ngày 02/7/2002 (Đã thành niên).

Về tài sản chung, nợ chung Ông N tự khai: Không có.

Bị đơn bà Lại Thị H trình bày: Bà H và Ông N sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 261, Quyền số: 02/2001 ngày 07/12/2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn gia đình phát sinh nguyên nhân là do Ông N có người phụ nữ khác. Nay bà H còn thương chồng, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông N và bà H có một con chung tên Nguyễn Thúc Đ, sinh ngày 02/7/2002 (Đã thành niên).

Về tài sản chung, nợ chung bà H tự khai: không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Việc yêu cầu ly hôn của Ông N là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành N và bà Lại Thị H sống chung từ năm năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 261, Quyền số: 02/2001 ngày 07/12/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thành N xin ly hôn với bà Lại Thị H do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng đến tình

cảm vợ chồng. Ông N đã nộp đơn ly hôn với bà H vào năm 2010 và được bằng bản án số 60/2010/HNGĐ-ST ngày 14/9/2010 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án phúc thẩm số 1358/2010/HNPT ngày 30/11/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai bản án đều bác yêu cầu xin ly hôn của Ông N. Tuy nhiên, từ năm 2010 đến nay cuộc sống giữa bà H và Ông N đã không còn chung sống, mạnh ai nấy sống, không còn lo lắng quan tâm đến nhau như vậy thì không thể là một gia đình hạnh phúc. Theo Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về xác định, áp dụng căn cứ ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đến nay vẫn chưa có văn bản thay thế, quy định như sau:

“Căn cứ cho ly hôn:

a. Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được.

a.1. Được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi:

- Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hòa giải nhiều lần.

- Vợ hoặc chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ nhau, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.

- Vợ chồng không chung thủy với nhau như có quan hệ ngoại tình, đã được người vợ hoặc người chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình;

a.2. Để có cơ sở nhận định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, phải căn cứ vào tình trạng hiện tại của vợ chồng đã đến mức trầm trọng như hướng dẫn tại điểm a.1 mục 8. Nếu thực tế cho thấy đã được nhắc nhở, hoà giải nhiều lần, nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình hoặc vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau hoặc vẫn tiếp tục có hành vi ngược đãi hành hạ, xúc phạm nhau, thì có căn cứ để nhận định rằng đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được.

a.3. Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt...”

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng Ông N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà H, vẫn sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Xét thấy Ông N và bà H không còn yêu thương, chăm sóc quan tâm lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Lại Thị H không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thành N do bà H còn thương chồng, con. Tuy nhiên, từ năm 2010 tức là sau hai bản án số 60/2010/HNGĐ-ST ngày 14/9/2010 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án phúc thẩm số 1358/2010/HNPT ngày 30/11/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và cho đến các lần hòa giải, tại phiên tòa bà H không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, con chung giữa bà H và Ông N hiện tại cũng đã thành niên. Nên yêu cầu của bà H không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thành N là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Ông N và bà H có một con chung tên Nguyễn Thúy Đ, sinh ngày 02/7/2002 đã thành niên nên không xét.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nên không xét.

[3] Án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 có hiệu lực vào ngày 01/01/2017.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành N được ly hôn với bà Lại Thị H.
2. Về con chung: Ông N và bà H có một con chung tên Nguyễn Thúy Đ, sinh ngày 02/7/2002 (Đã thành niên).
3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có.
4. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Thành N phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0044565 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông N đã thi hành xong án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 8;
- VKSND Quận 8;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8;
- UBND Phường 6, Quận 8.
- Các đương sự .

Lê Văn Giàu